

Bản án số: 04/2025/HS-PT

Ngày 06 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quyên;

Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Trù A Sám - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 366/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo Nguyễn Thị M và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2024/HS-ST ngày 25-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị M (tên gọi khác: Mẫn Chi), sinh năm 1962 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07516200422X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Bán buôn; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thanh M1 (đã chết) và bà Văn Thị C (đã chết); có chồng tên Lê Văn S và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 26-3-2023 đến ngày 04-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 251/2024/LCĐKNCT ngày 20-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Thu N (tên gọi khác: Út L), sinh năm 1989 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07518900705X; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Số I, đường H, Tổ C, Ấp F, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị C1; có chồng tên Hồ Thanh V và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 26-3-2023 đến ngày 04-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 252/2024/LCĐKNCT ngày 20-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Lệ E, sinh năm 1969 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07516900799X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C2 (đã chết); có chồng tên Huỳnh Quang T và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 26-3-2023 đến ngày 04-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 253/2024/LCĐKNCT ngày 20-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1979 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07517901132X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thành T1 (đã chết) và bà Trần Kim V1; chung sống như vợ chồng với Lê Văn T2 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 26-3-2023 đến ngày 04-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 254/2024/LCĐKNCT ngày 20-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

5. Bao Thị Thu H, sinh năm 1981 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07518100668X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bao Văn T3 và bà Ngô Thị H1; có chồng tên Phan Văn T4 và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 26-3-

2023 đến ngày 04-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 256/2024/LCĐKNCT ngày 20-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

6. Trần Thị Đ, sinh năm 1955 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07515500559X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn V2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T5 (đã chết); có chồng tên Nguyễn Văn Đ1 và có 04 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 26-3-2023 đến ngày 04-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 257/2024/LCĐKNCT ngày 20-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

7. Trần Thị Tuyết H2, sinh năm 1963 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07516300536X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn S1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C3 (đã chết); có chồng tên Đỗ Văn M2 Em và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 26-3-2023 đến ngày 04-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 258/2024/LCĐKNCT ngày 20-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Thị S2, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; Căn cước công dân: 07519502099X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T6 và bà Võ Thị T7; có chồng tên Phạm Văn N2 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 26-3-2023 đến ngày 04-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 259/2024/LCĐKNCT ngày 20-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị N3 (tên gọi khác: C4), sinh năm 1969 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07516901169X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

Không; con ông Nguyễn Văn Đ2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C5; có chồng tên Huỳnh Hoàng L2 (đã ly hôn năm 2000) và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 26-3-2023 đến ngày 04-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 260/2024/LCĐKNCT ngày 20-11-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Hồ Thị D không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính:

Nguyễn Thị M nảy sinh ý định tổ chức đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Tứ sắc” tại nhà của M tại Ấp B, xã P, huyện N, cụ thể như sau. Người đánh bạc dùng bộ bài 112 lá có 04 màu, mỗi màu 28 lá bài gồm các lá tướng, sĩ, tượng, ngựa, xe, pháo và chuột. Các con bạc làm cái xoay vòng, người nào làm cái sẽ là người đánh lá bài đầu tiên. Các con bạc khi tham gia đánh bạc sẽ độ “trên” số tiền 500.000 đồng, con bạc nào thua hết số tiền 500.000 đồng thì sẽ xong một trên và phải bỏ ra thêm số tiền 50.000 đồng để đóng tiền xâu cho M. Vào khoảng 12 giờ ngày 26/3/2023, Nguyễn Thị M đã tổ chức đánh bạc, gồm 02 chiếu bạc cho Bao Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thị Lệ E, Nguyễn Thị Kim L1, Hồ Thị D, Trần Thị Đ, Trần Thị Tuyết H2, Nguyễn Thị S2 và Nguyễn Thị N3 đánh bạc, cụ thể như sau:

1/ *Chiếu bạc thứ nhất gồm:* Bao Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thị Lệ E và Nguyễn Thị Kim L1, đánh bạc với nhau 12 giờ đến 15 giờ 30 phút, cụ thể:

- Bao Thị Thu H mang theo 13.800.000 đồng, sử dụng 3.800.000 đồng để tham gia đánh bạc, tham gia đặt cược 2 trên, một trên 500.000 đồng, H thắng được số tiền 700.000 đồng. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 14.500.000 đồng; trong đó, có 4.500.000 đồng là tiền đánh bạc.

- Nguyễn Thị Thu N mang theo 3.370.000 đồng để tham gia đánh bạc, tham gia đặt cược 2 trên, một trên 500.000 đồng, N thua số tiền 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 3.170.000 đồng là tiền đánh bạc.

- Nguyễn Thị Lệ E mang theo 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, tham gia đặt cược 2 trên, mỗi trên 500.000 đồng, Em thắng số tiền 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 1.500.000 đồng là tiền đánh bạc.

- Nguyễn Thị Kim L1 mang theo 10.880.000 đồng, sử dụng 1.480.000 đồng để tham gia đánh bạc, tham gia đặt cược 2 trên, một trên 500.000 đồng, L1 thua cả 02 trên số tiền 1.000.000 đồng và phải nộp 100.000 đồng tiền xâu. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 9.780.000 đồng; trong đó, có 380.000 đồng là tiền đánh bạc.

2/ *Chiếu bạc thứ hai gồm:* Hồ Thị D, Trần Thị Đ, Trần Thị Tuyết H2, Nguyễn Thị S2 và Nguyễn Thị N3 đánh bạc với nhau 14 giờ đến 15 giờ 30 phút, cụ thể:

- Hồ Thị D mang theo 500.000 đồng để đánh bạc. Trần Thị Đ mang theo 3.900.000 đồng (sử dụng 500.000 đồng hùn với Hồ Thị D thành một tụ để đánh bạc). D là người trực tiếp tham gia đánh bạc, tham gia đặt cược 01 trên 500.000 đồng, kết quả D và Đ thua số tiền 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, D bị thu giữ số tiền 250.000 đồng là tiền đánh bạc, Em bị thu giữ 3.650.000 đồng; trong đó, có 250.000 đồng là tiền đánh bạc.

- Trần Thị Tuyết H2 mang theo 1.200.000 đồng để tham gia đánh bạc, tham gia đặt cược 01 trên 500.000 đồng, H2 thắng số tiền 300.000 đồng. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 1.500.000 đồng là tiền đánh bạc.

- Nguyễn Thị S2 mang theo mang theo 4.200.000 đồng, để tham gia đánh bạc, tham gia đặt cược 01 trên 500.000 đồng, S2 thắng số tiền 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 4.400.000 là tiền đánh bạc.

- Nguyễn Thị N3 mang theo 800.000 đồng để tham gia đánh bạc, tham gia đặt cược 01 trên 500.000 đồng, N3 không thắng cũng không thua. Khi bị bắt quả tang bị thu giữ 800.000 là tiền đánh bạc.

Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị M thu được 100.000 đồng tiền xâu thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện bắt quả tang M đang tổ chức đánh bạc cho 02 chiếu bạc gồm 09 con bạc.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ trên chiếu bạc thứ nhất số tiền **9.550.000 đồng**; chiếu bạc thứ hai số tiền **7.200.000 đồng**.

- Thu giữ trên người các con bạc: Nguyễn Thị M số tiền 3.150.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng thu xâu; Bao Thị Thu H 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị Kim L1 9.400.000 đồng; Trần Thị Đ 3.400.000 đồng.

- 02 bộ bài tứ sắc đã qua sử dụng và 01 hộp bài tứ sắc gồm 10 bộ chưa sử dụng, 01 bìa carton đã qua sử dụng.

- Đối với số tiền 3.050.000 đồng của Nguyễn Thị M, 10.000.000 đồng của Bao Thị Thu H; 9.400.000 đồng của Nguyễn Thị Kim L1 và 3.400.000 đồng Trần Thị Đ không liên quan vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2024/HS-ST ngày 25-3-2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 46/2024/TB-TA ngày 05-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, đã quyết định:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt 01 (một) năm tù.

2/ Tuyên bố các bị cáo Bao Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thị Lệ E, Nguyễn Thị Kim L1, Hồ Thị D, Trần Thị Đ, Trần Thị Tuyết H2, Nguyễn Thị S2 và Nguyễn Thị N3 phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt như sau:

- Bao Thị Thu H, Nguyễn Thị S2 và Nguyễn Thị Thu N, mỗi bị cáo 08 (tám) tháng tù.

- Nguyễn Thị Lệ E, Nguyễn Thị Kim L1 và Trần Thị Tuyết H2, mỗi bị cáo 07 (bảy) tháng tù.

- Hồ Thị D, Trần Thị Đ và Nguyễn Thị N3, mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù.

3/ Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Kháng cáo:

Các bị cáo Nguyễn Thị M, Bao Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thị Lệ E, Nguyễn Thị Kim L1, Trần Thị Đ, Trần Thị Tuyết H2, Nguyễn Thị S2 và Nguyễn Thị N3 kháng cáo, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

4. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm

đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xem xét vụ án và hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo; việc xử phạt tù các bị cáo là không cần thiết; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo; sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của bị cáo Nguyễn Thị M tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa, gia đình bị cáo Nguyễn Thị M nộp đơn xin xét xử vắng mặt và tài liệu, thể hiện bị cáo M đang nhập viện điều trị bệnh. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về lý lịch các bị cáo:

- Các bị cáo trong vụ án đều bị bắt quả tang ngày 26-3-2023 (Biên bản bắt người phạm tội quả tang - Bút lục số 144); sau đó, chuyển tạm giữ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày 27-3-2023 là không chính xác; do đó, điều chỉnh lại tại bản án phúc thẩm này. Riêng đối với bị cáo Hồ Thị D không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm cần sửa chữa, bổ sung bản án cho phù hợp.

- Lý lịch bị cáo Nguyễn Thị Thu N ghi không đầy đủ về nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú; phần đầu bản án sơ thẩm ghi tên bị cáo “Nguyễn Thị S2” là đúng; tuy nhiên, phần quyết định ghi tên “Trần Thị S3” là không chính xác; do đó, điều chỉnh lại tại bản án phúc thẩm này.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội như đã nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về kháng cáo

4.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

4.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Bao Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thị Lệ E, Nguyễn Thị Kim L1, Trần Thị Đ, Trần Thị Tuyết H2, Nguyễn Thị S2 và Nguyễn Thị N3 phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng. Áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

4.3. Hình phạt:

Các bị cáo trong vụ án này đa phần đều làm công nhân, làm thuê hoặc không có nghề nghiệp, trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn; việc các bị cáo tổ chức đánh bạc và đánh bạc chỉ là bộc phát nhất thời, tổng số tiền đánh bạc không lớn. Các bị cáo Đ, M và H2 đã lớn tuổi; bị cáo L1 đang điều trị u nang buồng trứng, sức khỏe không tốt; các bị cáo S2 và N đang nuôi 02 con nhỏ và nhiều người thân phụ thuộc; do đó, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, xử phạt tiền cũng đủ răn đe giáo dục và thu ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị M, Bao Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thị Lệ E, Nguyễn Thị Kim L1, Trần Thị Đ, Trần Thị Tuyết H2, Nguyễn Thị S2 và Nguyễn Thị N3;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2024/HS-ST ngày 25-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

1. Tội danh và hình phạt:

1.1. Bị cáo Nguyễn Thị M:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) về tội “Tổ chức đánh bạc”, sung vào công quỹ Nhà nước.

1.2. Các bị cáo Bao Thị Thu H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thị Lệ E, Nguyễn Thị Kim L1, Trần Thị Đ, Trần Thị Tuyết H2, Nguyễn Thị S2 và Nguyễn Thị N3:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt tiền các bị cáo sau đây về tội “Đánh bạc”, sung vào công quỹ Nhà nước; cụ thể:

- Xử phạt bị cáo Bao Thị Thu H phải nộp số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu N phải nộp số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S2 phải nộp số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ E phải nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L1 phải nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết H2 phải nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ phải nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N3 phải nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hồ Thị D, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (9);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch (9);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trạch;

- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Nhơn Trạch;

- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Nhơn Trạch;

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch;

- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;

- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;

- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và VP⁽³⁰⁾.

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành